

Số: 152 /NQ-HĐND

Quảng Ninh, ngày 12 tháng 7 năm 2023

NGHỊ QUYẾT
Về việc điều chỉnh, bổ sung và phân bổ dự toán chi
ngân sách cấp tỉnh năm 2023

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH
KHÓA XIV - KỲ HỌP THỨ 14

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2019;

Xét Tờ trình số 1703/TTr-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2023; Báo cáo số 158/BC-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2023, Văn bản số 1736/UBND-KTTC ngày 04 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 90/BC-HĐND ngày 04 tháng 7 năm 2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận thống nhất của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Bổ sung kế hoạch ghi thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, ghi chi tiền giải phóng mặt bằng nhà đầu tư ứng trước theo quy định của Luật Đất đai tại khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 145/NQ-HĐND ngày 30 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh: 168.090 triệu đồng. Trong đó: Ghi thu tiền sử dụng đất: 10.090 triệu đồng; ghi thu tiền thuê đất trả tiền một lần: 158.000 triệu đồng.

Kế hoạch ghi thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, ghi chi tiền giải phóng mặt bằng nhà đầu tư ứng trước theo quy định của Luật Đất đai sau bổ sung: 262.606 triệu đồng, trong đó: Ghi thu tiền sử dụng đất: 79.483 triệu đồng; ghi thu tiền thuê đất trả tiền một lần: 183.123 triệu đồng (*Chi tiết theo Phụ biểu 01*).

Điều 2. Điều chỉnh, bổ sung và phân bổ dự toán ngân sách cấp tỉnh năm 2023 tại Điều 2 Nghị quyết số 136/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 và Điều 1 Nghị quyết số 145/NQ-HĐND ngày 30 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh:

1. Điều chỉnh 155.166 triệu đồng nguồn vốn hỗ trợ sản xuất Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới từ dự toán chi đầu tư phát triển bổ sung dự toán chi thường xuyên (các hoạt động kinh tế).

(Chi tiết theo Phụ biểu số 02)

2. Điều chỉnh giảm 912.200 triệu đồng dự toán chi thường xuyên từ nguồn tiết kiệm chi thường xuyên (các hoạt động kinh tế) để bổ sung:

a) Kế hoạch chi đầu tư phát triển: 732.200 triệu đồng để phân bổ: Kinh phí hỗ trợ các địa phương theo tiêu chí chấm điểm: 600.000 triệu đồng; Hỗ trợ xây dựng trụ sở Công an xã trên địa bàn 02 địa phương Móng Cái và Đông Triều: 132.200 triệu đồng.

(Chi tiết theo Phụ biểu số 03, 04)

b) Dự toán chi hỗ trợ hoạt động tín dụng nhà nước: 180.000 triệu đồng để ủy thác cho Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh tỉnh Quảng Ninh cho vay thực hiện các chương trình:

- Chương trình việc làm tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định số 4103/QĐ-UBND ngày 3 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh: 100.000 triệu đồng;

- Chương trình tổng thể phát triển bền vững kinh tế - xã hội gắn với đảm bảo vững chắc quốc phòng - an ninh ở các xã, thôn, bản vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, hải đảo tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2021 - 2025 theo Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh: 60.000 triệu đồng;

- Chương trình cho vay hỗ trợ phát triển Hợp tác xã: 20.000 triệu đồng.

3. Điều chỉnh trong nội bộ dự toán chi đầu tư phát triển:

a) Điều chỉnh giảm 499.318 triệu đồng kế hoạch vốn của 12 dự án không đảm bảo giải ngân năm 2023.

b) Phân bổ từ nguồn điều chỉnh giảm: 499.318 triệu đồng cho: 11 dự án đã hoàn thành, quyết toán: 42.818 triệu đồng; 02 dự án chuyển tiếp: 144.500 triệu đồng; 05 dự án khởi công mới: 312.000 triệu đồng

(Chi tiết theo Phụ biểu 05, 06)

4. Phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách cấp tỉnh: 175.442 triệu đồng, gồm:

- Kinh phí tăng cường cơ sở vật chất, mua sắm trang, thiết bị nâng cao năng lực cơ sở y tế toàn tỉnh năm 2023 (giai đoạn 2) theo Đề án được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1594/QĐ-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2023 cho Sở Y tế: 167.092 triệu đồng, từ nguồn kinh phí tăng cường cơ sở vật chất, mua sắm trang, thiết bị nâng cao năng lực cơ sở y tế toàn tỉnh năm 2023: 104.935 triệu đồng và nguồn tiết kiệm chi lĩnh vực y tế: 62.157 triệu đồng.

- Kinh phí thực hiện Chính sách thực hiện cai nghiện ma túy, quản lý sau cai nghiện ma túy và hỗ trợ lực lượng chuyên trách phòng, chống tội phạm ma túy trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh theo Nghị quyết số 18/2023/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh: 8.350 triệu đồng từ nguồn tiết kiệm chi các hoạt động kinh tế.

Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh sau điều chỉnh: 18.455.088 triệu đồng (không đổi), trong đó: Chi đầu tư phát triển: 10.257.523 triệu đồng (tăng 757.034 triệu đồng); Chi thường xuyên: 6.279.199 triệu đồng (giảm 757.034 triệu đồng).

(Chi tiết theo biểu 33, 37 Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 của Chính phủ)

Điều 2. Phân bổ 245.000 triệu đồng cho dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng Bệnh viện Phổi Quảng Ninh từ nguồn huy động đóng góp ngân sách cấp tỉnh do Tập đoàn Than và Khoáng sản Việt Nam tài trợ.

Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết; chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, Hội đồng nhân dân, các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán về tính đầy đủ, khách quan, chính xác của thông tin, số liệu, nội dung trình Hội đồng nhân dân tỉnh đảm bảo các quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các quy định của pháp luật có liên quan; đảm bảo tiến độ, không để xảy ra tình trạng tham nhũng, tiêu cực, “lợi ích nhóm”, lãng phí, thất thoát.

Tăng cường quản lý và xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản, quản lý vốn tạm ứng và thu hồi tạm ứng, xử lý nghiêm trường hợp ứng vốn quá hạn. Đẩy nhanh tiến độ thi công, tập trung giải ngân nguồn vốn đầu tư công năm 2023 cho các chương trình, nhiệm vụ, dự án đã giao, phấn đấu đến ngày 30 tháng 9 năm 2023 giải ngân đạt 80%, đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 giải ngân đạt 100% kế hoạch vốn giao đầu năm và kế hoạch vốn kéo dài thời gian giải ngân từ năm 2022 sang năm 2023. Khẩn trương lập hồ sơ quyết toán, thẩm tra, phê duyệt quyết toán theo quy định tại Nghị định 99/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.

Các địa phương thực hiện phân bổ vốn chấm điểm bổ sung theo nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ tại Nghị quyết số 16/2023/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 303/2020/NQ-HĐND ngày 9 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh, trong đó ưu tiên kinh phí thực hiện công tác lập quy hoạch của địa phương.

Đối với các dự án được hỗ trợ từ ngân sách cấp tỉnh: Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các địa phương được hỗ trợ chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư dự án, quản lý và sử dụng nguồn lực đúng mục tiêu đảm bảo tiến độ giải ngân nguồn vốn theo quy định.

Đối với nguồn kinh phí còn lại chưa phân bổ của cấp tỉnh: Ủy ban nhân dân tỉnh khẩn trương chỉ đạo các sở, ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương rà soát, đề xuất nội dung, nhiệm vụ cần thiết; hoàn tất thủ tục phê duyệt đầu tư, đảm bảo điều kiện phân bổ vốn để trình Hội đồng nhân dân tỉnh phân bổ trước ngày 31 tháng 8 năm 2023; không để tình trạng chậm phân bổ, chậm giải ngân, không sử dụng, để tồn dư dự toán lớn gây lãng phí nguồn lực.

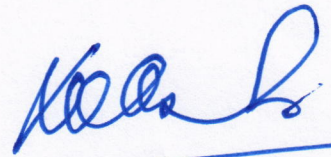
2. Thường trực, các Ban, các Tổ và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh khóa XIV, Kỳ họp thứ 14 thông qua ngày 12 tháng 7 năm 2023 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- UBTV Quốc hội; Chính phủ (báo cáo);
- Ban CTĐB của UBTV Quốc hội;
- Các Bộ: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư;
- Kiểm toán nhà nước;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XIV;
- Các ban xây dựng Đảng và VP Tỉnh ủy;
- Ủy ban MTTQ và tổ chức CT-XH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Trung tâm Truyền thông tỉnh;
- Lưu: VT, NS4. *lưu*

CHỦ TỊCH



Nguyễn Xuân Ký



PHỤ BIỂU 01

DỰ TOÁN GHI THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT, TIỀN THUÊ ĐẤT, GHI CHI TIỀN BỒI THƯỜNG, GPMB NHÀ ĐẦU TƯ TỰ NGUYỆN ỨNG TRƯỚC

(Kèm theo Nghị quyết số 152/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng.

ĐVT: Triệu đồng.

TT	Nội dung	Chủ đầu tư	Dự toán ghi thu				Dự toán ghi chi
			Tổng số	Tiền sử dụng đất	Tiền thuê đất		
					Trả tiền 1 lần	Trả tiền hàng năm	
I	Nghị quyết số 145/NQ-HĐND ngày 30/3/2023		94.516	69.393	25.123	-	94.516
1	Dự án Khu dân cư thôn Chợ, xã Thống Nhất, thành phố Hạ Long	Công ty CP sản xuất và thương mại Hạ Long	4.220	3.290	930	-	4.220
2	Dự án đầu tư xây dựng Khu dân cư phía Tây nhà máy bia Đông Mai, thị xã Quảng Yên (đợt 1)	Công ty CP Bất động sản HANO-VID	5.945	5.033	912		5.945
3	Dự án Khu đô thị đại lộ Hòa Bình kéo dài tại phường Hải Hòa, thành phố Móng Cái	Liên danh Tổng công ty cổ phần xuất nhập khẩu và xây dựng Việt Nam và Công ty cổ phần phát triển đầu tư Phúc Khánh Việt Nam	84.351	61.070	23.281		84.351
II	Danh mục dự án bổ sung		168.090	10.090	158.000	-	168.090
1	Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh KCN Việt Hưng - Đợt 1 giai đoạn 2	Công ty CP phát triển Công nghiệp Việt Hưng	158.000		158.000		158.000
2	Dự án Khu dân cư Vĩnh Quang 1, phường Mạo Khê, thị xã Đông Triều	Công ty cổ phần Kim Long	10.090	10.090			10.090
	Tổng số		262.606	79.483	183.123	-	262.606



**PHÂN BỐ VỐN HỖ TRỢ SẢN XUẤT CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU
QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI**

(Kèm theo Nghị quyết số 152/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng.

STT	Địa phương	Phân bổ	Ghi chú
	Tổng số	155.166	
1	Thị xã Quảng Yên	8.641	
2	Huyện Vân Đồn	18.350	
3	Huyện Cô Tô	17.000	
4	Huyện Ba Chẽ	26.651	
5	Huyện Tiên Yên	13.685	
6	Huyện Bình Liêu	23.300	
7	Huyện Đầm Hà	16.567	
8	Huyện Hải Hà	18.008	
9	Thành phố Móng Cái	12.964	

[Signature]

PHỤ BIỂU 03

PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ VỐN CHẤM ĐIỂM

(Kèm theo Nghị quyết số 152/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: triệu đồng

STT	Địa phương	Phân bổ vốn chấm điểm	Ghi chú
	Tổng số	600.000	
1	Huyện Vân Đồn	44.911	
2	Huyện Hải Hà	76.502	
3	Huyện Tiên Yên	76.296	
4	Huyện Ba Chẽ	98.336	
5	Huyện Đầm Hà	78.467	
6	Huyện Bình Liêu	121.432	
7	Thị xã Quảng Yên	37.458	
8	Huyện Cô Tô	66.598	

PHÂN BỐ HỖ TRỢ XÂY DỰNG TRỤ SỞ CÔNG AN XÃ NĂM 2023

(Kèm theo Nghị quyết số 152/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng./



TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án	Tổng mức đầu tư		Kế hoạch năm 2023	Ghi chú
				Tổng cộng	NS tỉnh		
	Tổng số			173.757	132.200	132.200	
1	Xây mới Trụ sở Công an xã Hải Tiến, thành phố Móng Cái	UBND TP Móng Cái	QĐ số 10071/QĐ-UBND ngày 30/11/2022 (TP)	9.345	8.100	8.100	
2	Xây mới Trụ sở Công an xã Vạn Ninh, thành phố Móng Cái	UBND TP Móng Cái	QĐ số 10103/QĐ-UBND ngày 02/12/2022 (TP)	11.666	8.400	8.400	
3	Xây mới Trụ sở Công an xã Hải Sơn, thành phố Móng Cái	UBND TP Móng Cái	QĐ số 10072/QĐ-UBND ngày 30/11/2022 (TP)	9.071	7.900	7.900	
4	Xây mới Trụ sở Công an xã Vĩnh Trung, thành phố Móng Cái	UBND TP Móng Cái	QĐ số 10113/QĐ-UBND ngày 05/12/2022 (TP)	11.346	9.800	9.800	
5	Xây mới Trụ sở Công an xã Quảng Nghĩa, thành phố Móng Cái	UBND TP Móng Cái	QĐ số 10114/QĐ-UBND ngày 05/12/2022 (TP)	11.343	8.500	8.500	
6	Xây mới Trụ sở Công an xã Vĩnh Thực, thành phố Móng Cái	UBND TP Móng Cái	QĐ số 2926/QĐ-UBND ngày 26/5/2023 (TP)	11.808	9.700	9.700	
7	Xây mới Trụ sở Công an xã Hải Đông, thành phố Móng Cái	UBND TP Móng Cái	QĐ số 2925/QĐ-UBND ngày 26/5/2023 (TP)	11.303	9.300	9.300	
8	Trụ sở làm việc công an xã Nguyễn Huệ Trụ sở làm việc công an xã Nguyễn Huệ tại thôn 9, xã Nguyễn Huệ, thị xã Đông Triều	UBND TX Đông Triều	QĐ số 316/QĐ-UBND ngày 20/02/2023 (TX)	9.626	6.400	6.400	
9	Trụ sở làm việc công an xã Bình Dương tại thôn Bình Sơn Tây, xã Bình Dương, thị xã Đông Triều	UBND TX Đông Triều	QĐ số 315/QĐ-UBND ngày 20/02/2023 (TX)	11.095	8.300	8.300	
10	Trụ sở làm việc công an xã Bình Khê tại thôn Trại Mới A, xã Bình Khê, thị xã Đông Triều	UBND TX Đông Triều	QĐ số 317/QĐ-UBND ngày 20/02/2023 (TX)	10.019	7.100	7.100	

TT		Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án	Tổng mức đầu tư		Kế hoạch năm 2023	Ghi chú
				Tổng cộng	NS tỉnh		
11	Trụ sở làm việc công an xã Tân Việt tại thôn Tân Lập, xã Tân Việt, thị xã Đông Triều	UBND TX Đông Triều	QĐ số 318/QĐ-UBND ngày 20/02/2023 (TX)	10.385	7.400	7.400	
12	Trụ sở làm việc công an xã Việt Dân tại thôn Khê Thượng, xã Việt Dân, thị xã Đông Triều	UBND TX Đông Triều	QĐ số 320/QĐ-UBND ngày 20/02/2023 (TX)	11.097	8.000	8.000	
13	Trụ sở làm việc công an xã Hồng Thái Tây tại thôn Hoành Mô, xã Hồng Thái Tây, thị xã Đông Triều	UBND TX Đông Triều	QĐ số 321/QĐ-UBND ngày 20/02/2023 (TX)	11.594	8.400	8.400	
14	Trụ sở làm việc công an xã Hồng Thái Đông tại thôn Thượng Thông, xã Hồng Thái Đông, thị xã Đông Triều	UBND TX Đông Triều	QĐ số 322/QĐ-UBND ngày 20/02/2023 (TX)	11.387	8.300	8.300	
15	Trụ sở làm việc công an xã Thủy An tại thôn Vĩ Thủy, xã Thủy An, thị xã Đông Triều	UBND TX Đông Triều	QĐ số 319/QĐ-UBND ngày 20/02/2023 (TX)	11.047	7.600	7.600	
16	Trụ sở làm việc công an xã Yên Đức tại thôn Đồn Sơn, xã Yên Đức, thị xã Đông Triều	UBND TX Đông Triều	QĐ số 323/QĐ-UBND ngày 20/02/2023 (TX)	11.625	9.000	9.000	

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023

(Kèm theo Nghị quyết số 152/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng./

TT	Danh mục dự án	 Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án	Tổng mức đầu tư		Kế hoạch năm 2023		Điều chỉnh kế hoạch năm 2023				Kế hoạch năm 2023 sau điều chỉnh		Ghi chú
				Tổng cộng	NS tỉnh	Tổng số	Trong đó: Tiền đất	Giảm		Tăng		Tổng số	Trong đó: Tiền đất	
								Tổng số	Trong đó: Tiền đất	Tổng số	Trong đó: Tiền đất			
	Tổng số					2,002,368	1,436,000	499,318	253,856	499,318	253,856	2,902,368	1,436,000	
I	ĐIỀU CHỈNH GIẢM KẾ HOẠCH					2,002,368	1,436,000	499,318	253,856			1,503,050	1,182,144	
1	Cầu Cửa Lục 1	Ban QLDA DTXD DD&CN	4641/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	2,109,868	2,109,868	60,000		30,000				30,000		
2	Đường ven sông kết nối từ đường cao tốc Hạ Long – Hải Phòng đến thị xã Đông Triều, đoạn từ nút giao Đầm Nhà Mạc đến đường tỉnh 338 (Giai đoạn 1)	Ban QLDA DTXD DD&CN	4645/QĐ-UBND ngày 31/10/2019; 2266/QĐ-UBND ngày 08/8/2022	2,117,591	2,117,591	192,000	150,000	96,000	96,000			96,000	54,000	
3	Xử lý 08 điểm ngập lụt trên đường tỉnh 330	Ban QLDA ĐTXD các công trình NN và PTNT	4319/QĐ-UBND ngày 03/12/2021	194,451	194,451	85,000		10,000				75,000		
4	Dự án đầu tư nâng cấp mở rộng Trung tâm y tế huyện Tiên Yên	Ban QLDA DTXD DD&CN	4383/QĐ-UBND ngày 30/10/2018; 684/QĐ-UBND ngày 8/3/2021	85,635	85,635	10,000		4,600				5,400		
5	Cải tạo, nâng cấp mở rộng Bệnh viện bảo vệ sức khỏe tâm thần tỉnh Quảng Ninh	Ban QLDA DTXD DD&CN	339/QĐ-UBND ngày 04/2/2021	148,834	148,834	15,000		6,962				8,038		
6	Đường ven sông kết nối từ đường cao tốc Hạ Long – Hải Phòng đến thị xã Đông Triều, đoạn từ đường tỉnh 338 đến thị xã Đông Triều (GĐ 1) - Tiểu dự án 2: Phần xây dựng		4335/QĐ-UBND ngày 06/12/2021; 3320/QĐ-UBND ngày 11/11/2022	6,345,208	4,518,613	1,326,268	1,186,000	113,856	113,856			1,212,412	1,072,144	
	- Phần Xây lắp	Ban QLDA ĐTXD CT Giao thông			4,495,197	1,317,268	1,186,000	113,856	113,856			1,203,412	1,072,144	
	- Phần rà phá bom mìn	BCH QS tỉnh			23,416	9,000						9,000		
7	Hạ tầng Kỹ thuật, Hạ tầng xã hội khu tái định cư, khu hành chính tại xã Vạn Yên, huyện Văn Đồn	UBND huyện Văn Đồn	4466/QĐ-UBND ngày 02/12/2020; 2930/QĐ-UBND ngày 30/8/2021; 3798/QĐ-UBND ngày 23/12/2022;	357,000	357,000	120,000	100,000	44,000	44,000			76,000	56,000	
8	Trụ sở làm việc Đội cảnh sát PCCC&CNCH thị xã Quảng Yên	Công an tỉnh	4508/QĐ-UBND ngày 30/10/2018; 4510/QĐ-UBND ngày 7/12/2020; 4271/QĐ-UBND ngày 01/12/2021	19,101	19,101	1,100		900				200		
9	Bổ sung cơ sở vật chất và trang thiết bị cho trường Tiểu học thị trấn Đầm Hà	UBND huyện Đầm Hà	5203/QĐ-UBND ngày 29/11/2022 (H)	25,000	23,000	13,000		13,000						
10	Trường THCS Lục Hồn, xã Lục Hồn, huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh	UBND huyện Bình Liêu	229/QĐ-UBND ngày 27/02/2023 (H)	92,000	80,000	80,000		80,000						
11	Trường Tiểu học thị trấn Ba Chẽ, huyện Ba Chẽ (nạng mục: Xây mới nhà đa năng + Sân bê tông)	UBND huyện Ba Chẽ	4403/QĐ-UBND ngày 30/11/2022 (H)	11,400	10,000	10,000		10,000						
12	Đầu tư xây dựng Trường Trung học cơ sở Hạ Long, huyện Văn Đồn	UBND huyện Văn Đồn	5891/QĐ-UBND ngày 11/11/2022	270,000	200,000	90,000		90,000						
II	ĐIỀU CHỈNH TĂNG KẾ HOẠCH			1,925,134	1,273,513					499,318	253,856	499,318	253,856	
I	Các dự án đã hoàn thành, quyết toán (11 dự án)									42,818		42,818		Chi tiết tại phụ biểu 06
II	Các dự án chuyển tiếp (02 dự án)			494,895	155,000					144,500	140,000	144,500	140,000	
1	Hỗ trợ Công an tỉnh đầu tư xây dựng trụ sở làm việc Đội cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ huyện Tiên Yên	Công an tỉnh	4510/QĐ-UBND ngày 25/10/2019; 4510/QĐ-UBND ngày 7/12/2020; 4271/QĐ-UBND ngày 01/12/2021; 3428/QĐ-UBND ngày 22/11/2022	15,000	15,000					4,500		4,500		

28

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án	Tổng mức đầu tư		Kế hoạch năm 2023		Điều chỉnh kế hoạch năm 2023				Kế hoạch năm 2023 sau điều chỉnh		Ghi chú
				Tổng cộng	NS tỉnh	Tổng số	Trong đó: Tiền đất	Giảm		Tăng		Tổng số	Trong đó: Tiền đất	
								Tổng số	Trong đó: Tiền đất	Tổng số	Trong đó: Tiền đất			
2	Hỗ trợ đầu tư xây dựng tuyến đường nối đường Vũng Đục phường Cẩm Đông đến phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả (giai đoạn I)	UBND thành phố Cẩm Phả	347/QĐ UBND ngày 20/01/2022 (TP)	479,895	140,000					140,000	140,000	140,000	140,000	
III	Các dự án khởi công mới (05 dự án)			1,430,239	1,118,513					312,000	113,856	312,000	113,856	
a	Các dự án thuộc nhiệm vụ chi ngân sách tỉnh (03 dự án)									132,000	63,856	132,000	63,856	
1	Tuyến đường từ nút giao Đầm Nhà Mạc đến KCN Bắc Tiên Phong (giai đoạn I)	Ban QLDA ĐTXD các công trình NN và PTNT	1890/QĐ-UBND ngày 08/7/2023	286,000	286,000					100,000	63,856	100,000	63,856	
2	Mở tuyến luồng thủy nội địa từ cảng Cái Rồng đi các xã đảo Ngọc Vũng, Quan Lạn, Bàn Sẻ thuộc huyện Vân Đồn	Ban QLDA ĐTXD các công trình NN và PTNT	1885/QĐ-UBND ngày 07/7/2023	11,750	11,750					10,000	—	10,000		
3	Dự án Hải đội dân quân thường trực/Bộ CHQS tỉnh Quảng Ninh	BCH QS tỉnh	1886/QĐ-UBND ngày 07/7/2023	230,163	230,163					22,000		22,000		
b	Ngân sách tỉnh hỗ trợ các dự án thuộc nhiệm vụ chi ngân sách huyện (02 dự án)			902,326	590,600					180,000	50,000	180,000	50,000	
1	Đường nối từ Tỉnh lộ 342 đến Quốc lộ 179 qua trung tâm xã Sơn Dương, thành phố Hạ Long	UBND thành phố Hạ Long	634/QĐ-UBND ngày 14/3/2023 (TP)	818,326	516,000					150,000	50,000	150,000	50,000	
2	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng đường từ thôn Đông Thắng, xã Đông Ngụ đi xã Đại Dực, huyện Tiên Yên	UBND huyện Tiên Yên	4891/QĐ-UBND ngày 29/11/2022; 1838/QĐ-UBND ngày 22/6/2023 (H)	84,000	74,600					30,000		30,000		

PHÂN BỐ NGUỒN VỐN CHO CÁC DỰ ÁN ĐÃ HOÀN THÀNH, DỰ ÁN ĐÃ PHÊ DUYỆT QUYẾT TOÁN

(Kèm theo Nghị quyết số 152/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: triệu đồng./.

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án	Tổng mức đầu tư		Quyết định phê duyệt quyết toán		Lũy kế vốn cấp đến nay		Kế hoạch năm 2023	Ghi chú
				Tổng số	Trong đó: NS tỉnh	Số, ngày, tháng, năm	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số	Trong đó NS tỉnh		
	Tổng số			9.417.591	9.038.506	-	997.764	7.796.075	7.638.430	42.818	
1	Hoàn thiện hạ tầng trung tâm hành chính tỉnh	UBND thành phố Hạ Long	4401/QĐ-UBND ngày 30/10/2018; 486/QĐ-UBND ngày 22/2/2021	270.366	270.366	5675/QĐ-STC ngày 13/10/2022 của Sở Tài chính (không gồm GPMB)	35.416	233.293	233.293	471	
2	Đường nối khu công nghiệp Cái Lân qua khu công nghiệp Việt Hưng đến đường cao tốc Hạ Long - Vân Đồn		4622/QĐ-UBND ngày 31/10/2019; 4011/QĐ-UBND ngày 26/10/2020; 3900/QĐ-UBND ngày 5/11/2021; 4226/QĐ-UBND ngày 30/11/2021	1.275.120	1.089.208			998.848	998.848	17.464	
	Hạng mục hệ thống an toàn giao thông và cây xanh nút giao Cửa lục 1	UBND thành phố Hạ Long		29.501	29.501			10.000	10.000	17.464	
3	Đường nối thành phố Hạ Long với Cầu Bạch Đằng, tỉnh Quảng Ninh (hạng mục: Nút giao Minh Khai)		1292/QĐ-UBND ngày 18/6/2014; 2290/QĐ-UBND ngày 21/7/2016; 4892/QĐ-UBND ngày 18/12/2017; 4372/QĐ-UBND ngày 30/10/2018; 1788/QĐ-UBND ngày 7/6/2021	6.299.371	6.299.371			5.244.179	5.244.179	441	
	Hạng mục GPMB	UBND thành phố Hạ Long		277.952	277.952			213.825	213.825	441	
4	Tiểu dự án 2: Sửa chữa, nâng cấp bảo đảm an toàn 08 hồ chứa nước (Đá Trắng, Đồng Đò 1, Rộc Chày, Sau Làng, Rộc Cùn, Khe Tấu, Quất Đông, Chúc Bài Sơn) tỉnh Quảng Ninh thuộc dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8)	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	4638/QĐ-BNN-HTQT ngày 09/11/2015; 4415/QĐ-UBND ngày 27/12/2016; 3969/QĐ-UBND ngày 08/10/2018	204.011	30.696	6619/QĐ-STC ngày 24/11/2022 của Sở Tài chính	28.943	186.589	28.943	379	
5	Đường nối QL4B với QL18C tại huyện Tiên Yên	Ban QLDA đầu tư XD các CT giao thông	4398/QĐ-UBND ngày 31/10/2018; 2718/QĐ-UBND ngày 02/7/2019; 7334/QĐ-STC ngày 27/12/2022 (QT)	100.000	100.000	7334/QĐ-STC ngày 27/12/2022 (QT) của Sở Tài chính	95.648	95.000	95.000	648	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án	Tổng mức đầu tư		Quyết định phê duyệt quyết toán		Lũy kế vốn cấp đến nay		Kế hoạch năm 2023	Ghi chú
				Tổng số	Trong đó: NS tỉnh	Số, ngày, tháng, năm	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số	Trong đó NS tỉnh		
6	Cải tạo, mở rộng trụ sở Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh	VKS tỉnh QN	76/QĐ-VKS ngày 31/12/2020	33.000	29.700	86/QĐ-VKS ngày 28/12/2022 (QT) của VKS	29.347	29.000	29.000	347	
7	Hỗ trợ đầu tư xây dựng bổ sung làn đường dọc tuyến đường bao biển Hạ Long - Cẩm Phả trên địa bàn các phường Hà Phong, Hà Tu, Hồng Hà	UBND thành phố Hạ Long	351/QĐ-UBND ngày 20/1/2022 (TP)	71.558	55.000		55.000	37.314	37.314	17.686	
8	Cải tạo, nâng cấp các kênh tiêu chính, kết hợp xử lý môi trường khu vực Hà Bắc trên địa bàn thị xã Quảng Yên	Ban QLDA ĐTXD các công trình NN và PTNT	4399/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	190.000	190.000	6726/QĐ-STC ngày 27/11/2022 (QT) của Sở Tài chính quyết toán phần XL	189.660	188.060	188.060	1.600	
9	Cải tạo, nâng cấp Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Quảng Ninh	Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và CN	341/QĐ-UBND ngày 04/2/2021	38.853	38.853	7448/QĐ-STC ngày 30/12/2022 (QT) của Sở Tài chính	38.321	38.000	38.000	321	
10	Đầu tư xây dựng hạ tầng Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao về thủy sản tại Đầm Hà	UBND huyện Đầm Hà	4408/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	155.000	155.000	4743/QĐ-STC ngày 30/8/2022 (QT) của Sở Tài chính	122.236	118.892	118.892	3.345	
11	Đầu tư hoàn chỉnh đường trục chính phù hợp tiêu chuẩn đường cao tốc và xây dựng tuyến đường gom từ đường cao tốc đến sân bay Vân Đồn	Ban QLDA ĐTXD các công trình Giao thông	4409/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	472.859	472.859	2922/QĐ-STC ngày 21/6/2023 (QT) của Sở Tài chính	403.192	403.076	403.076	116	



DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2023
(Kèm theo Nghị quyết số 152/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	CHỈ TIÊU	Dự toán giao tại Nghị quyết số 145/NQ-HĐND ngày 30/3/2023			Điều chỉnh			Dự toán sau điều chỉnh		
		NSDP	TỈNH	Huyện, xã	NSDP	TỈNH	Huyện, xã	NSDP	TỈNH	Huyện, xã
	TỔNG SỐ	31.960.596	18.455.088	13.505.508				31.960.596	18.455.088	13.505.508
A	TỔNG CHI NSDP	30.565.177	17.059.669	13.505.508				30.565.177	17.059.669	13.505.508
	<i>Trong đó:</i>									
I	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	14.057.620	9.500.489	4.557.131	757.034	757.034		14.814.654	10.257.523	4.557.131
1	Chi đầu tư cho các dự án	13.955.500	9.398.369	4.557.131	577.034	577.034		14.532.534	9.975.403	4.557.131
	<i>Trong đó:</i>									
-	Chi đầu tư từ các nguồn cân đối thuế, phí còn lại	3.992.389	3.992.389		(155.166)	(155.166)		3.837.223	3.837.223	
-	Chi đầu tư từ nguồn tiết kiệm chi thường xuyên	755.500	755.500		732.200	732.200		1.487.700	1.487.700	
2	Chi hỗ trợ hoạt động tín dụng nhà nước	102.120	102.120		180.000	180.000		282.120	282.120	
	<i>Trong đó:</i>									
-	Ủy thác cho vay chương trình việc làm tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định số 4103/QĐ-UBND ngày 3/11/2020 của UBND tỉnh	40.000	40.000		100.000	100.000		140.000	140.000	
-	Kinh phí ủy thác cho vay theo Chương trình tổng thể phát triển bền vững kinh tế - xã hội gắn với đảm bảo vững chắc quốc phòng - an ninh ở các xã, thôn, bản vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, hải đảo tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2021 - 2025 (Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 của HĐND tỉnh)	50.000	50.000		60.000	60.000		110.000	110.000	
-	Kinh phí ủy thác cho vay hỗ trợ phát triển Hợp tác xã (Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16/6/2022 của BCHTW; Chương trình hành động số 22-CTr/TU ngày 21/12/2022 của BCH Đảng bộ tỉnh;...)				20.000	20.000		20.000	20.000	
II	CHI THƯỜNG XUYỀN	15.714.500	7.036.233	8.678.267	(757.034)	(757.034)		14.957.466	6.279.199	8.678.267
	<i>Trong đó:</i>									
1	Chi hoạt động kinh tế	2.719.055	1.680.417	1.038.638	(765.384)	(765.384)		1.953.671	915.033	1.038.638
2	Chi đảm bảo xã hội	899.638	314.521	585.117	8.350	8.350		907.988	322.871	585.117

7/18

DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH TỈNH NĂM 2023

(Kèm theo Nghị quyết số 152/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	Nội dung	Dự toán giao tại Nghị quyết số 145/NQ-HĐND ngày 30/3/2023	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh					Ghi chú
				Tổng, trong đó:	Giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Y tế, dân số và gia đình	Các hoạt động kinh tế	Bảo đảm xã hội	
	TỔNG SỐ	7.036.233	(757.034)	6.279.199	1.894.814	1.225.288	915.033	322.871	
	Trong đó:								
A	KINH PHÍ THƯỜNG XUYÊN	1.620.658		1.620.658	323.580	439.307	30.632	75.743	
B	KINH PHÍ ĐỀ TÀI, NHIỆM VỤ	5.415.575	(757.034)	4.658.541	1.571.234	785.981	884.401	247.128	
	Trong đó:								
I	Giáo dục đào tạo và dạy nghề	1.571.234		1.571.234	1.571.234	-	-	-	
	Trong đó:								
1	Kinh phí thực hiện Đề án phát triển ngành giáo dục, nguồn nhân lực chất lượng cao giai đoạn 2021-2025 (Nghị quyết số 99/NQ-HĐND ngày 31/5/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)	540.500		540.500	540.500				
II	Y tế, dân số và gia đình	785.981		785.981	-	785.981	-	-	
	Trong đó:								
1	Kinh phí tăng cường cơ sở vật chất, mua sắm trang, thiết bị nâng cao năng lực cơ sở y tế toàn tỉnh	350.000	62.157	412.157		412.157			
2	Kinh phí thực hiện các mục tiêu an sinh xã hội của Tỉnh lĩnh vực y tế	300.000	(62.157)	237.843		237.843			
III	Các hoạt động kinh tế	1.649.785	(765.384)	884.401	-	-	884.401	-	
	Trong đó:								
1	Kinh phí thực hiện các mục tiêu an sinh xã hội của Tỉnh lĩnh vực kinh tế	1.250.000	(920.550)	329.450			329.450		
2	Kinh phí hỗ trợ phát triển sản xuất của Chương trình xây dựng NTM		155.166	155.166			155.166		
IV	Bảo đảm xã hội	238.778	8.350	247.128	-	-	-	247.128	
	Trong đó:								
1	KP thực hiện Nghị quyết số 18/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 của HĐND tỉnh quy định chính sách thực hiện cai nghiện ma túy, quản lý sau cai nghiện ma túy và hỗ trợ lực lượng chuyên trách phòng, chống tội phạm ma túy trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh		8.350	8.350				8.350	

TUE